Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 20.11.2026 11:19:41 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2279/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án tổng thể "Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ giai đoạn 2026 - 2030"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung;

Căn cứ Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Tiêu chí và Danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tổng thể "Xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ giai đoạn 2026 - 2030" với các nội dung sau đây:

I. QUAN ĐIỂM

1. Đổi mới công tác lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; quản lý tài liệu lưu trữ xuyên suốt vòng đời từ khi tạo lập hoàn chỉnh đến thu nộp, bảo quản, khai thác, sử dụng thông qua kết nối với các hệ thống hiện hành và phát huy giá trị tài liệu trên môi trường số.

2. Xác định dữ liệu lưu trữ là tài sản dữ liệu chiến lược của Nhà nước; quản trị dữ liệu theo nguyên tắc đúng - đủ - sạch - sống - toàn vẹn - duy nhất - thống nhất - tập trung - liên thông - dùng chung; dữ liệu được tạo lập, chuẩn hóa từ nguồn, kế thừa xuyên suốt toàn bộ vòng đời theo nguyên tắc "tạo lập một lần, sử dụng nhiều lần".

3. Gắn chuyển đổi số công tác lưu trữ với đổi mới phương thức quản lý, khai thác và phát huy giá trị tài liệu, dữ liệu lưu trữ; thúc đẩy kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu và ứng dụng công nghệ số phù hợp, phục vụ quản lý nhà nước,

quản trị quốc gia, nghiên cứu, giáo dục, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

4. Phát triển nguồn nhân lực lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; đổi mới tư duy, nâng cao năng lực đội ngũ theo hướng kết hợp chuyên môn, nghiệp vụ lưu trữ với năng lực số, quản trị dữ liệu, bảo quản số và khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả Nền tảng số quốc gia về lưu trữ (Nền tảng).

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu tổng quát

Chuyển đổi phương thức quản lý tài liệu lưu trữ từ phân tán sang tập trung, từ quản lý tài liệu sang quản trị dữ liệu thống nhất trong môi trường số; xây dựng, vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ dùng chung, gắn với hoàn thiện Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, góp phần thúc đẩy phát triển Chính phủ số và hạ tầng dữ liệu quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2028

- Hệ thống pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, chuẩn gói tin, định danh dữ liệu và quy trình nghiệp vụ thiết yếu được hoàn thiện, áp dụng thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu, dữ liệu lưu trữ trong môi trường số.

- Hoàn thành xây dựng các chức năng cốt lõi và đưa Nền tảng vào vận hành; thí điểm kết nối, tiếp nhận tự động văn bản điện tử được ban hành từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành vào Nền tảng để lưu trữ, làm cơ sở mở rộng giai đoạn 2029 - 2030.

- Tiếp tục hoàn thiện, phát triển và vận hành tập trung Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia; chuẩn hóa, cập nhật tài liệu lưu trữ số và dữ liệu đặc tả hồ sơ, tài liệu từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm kết nối, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng theo quy định.

- Hoàn thành việc đưa toàn bộ tài liệu lưu trữ vĩnh viễn đã được số hóa tại các lưu trữ lịch sử, bộ, ngành, địa phương lên Nền tảng để bảo quản, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị.

- Nâng cao năng lực đội ngũ nhân lực lưu trữ về quản trị tài liệu, dữ liệu, lưu trữ số, bảo quản số lâu dài, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số.

b) Đến năm 2029

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu vận hành Nền tảng.

- Mở rộng kết nối tự động tiếp nhận tài liệu số từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành vào Nền tảng để lưu trữ, sử dụng, phát huy; bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn và khả năng kiểm chứng lâu dài.

c) Đến năm 2030

- Các cơ quan, tổ chức chưa có hệ thống, kho lưu trữ số chuyên dụng sử dụng Nền tảng để quản lý tài liệu lưu trữ số theo thẩm quyền; các hệ thống, kho lưu trữ số chuyên dụng hiện có kết nối, liên thông với Nền tảng.

- Nền tảng số quốc gia về lưu trữ được vận hành tập trung, thống nhất, an toàn, liên tục, dùng chung trên phạm vi toàn quốc; cung cấp các chức năng, dịch vụ lưu trữ dùng chung, đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo quản tài liệu lưu trữ số xuyên suốt vòng đời.

- 100% bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi Đề án kết nối, khai thác, sử dụng Nền tảng theo quy định; các chức năng lưu trữ có thể tổ chức tập trung được thực hiện trên Nền tảng.

- Hoàn thiện, phát triển và cập nhật thường xuyên Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam từ tài liệu lưu trữ số hình thành trên các hệ thống quản lý văn bản và điều hành, dữ liệu từ số hóa tài liệu giấy và dữ liệu đặc tả hồ sơ, tài liệu hình thành qua chỉnh lý; bảo đảm chuẩn hóa, quản lý tập trung, thống nhất, kết nối, chia sẻ và khai thác theo quy định.

- Hoàn thiện mô hình lưu trữ dự phòng hai lớp đối với tài liệu lưu trữ thuộc diện dự phòng Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, bảo đảm an toàn, toàn vẹn và khả năng phục hồi, sử dụng tài liệu, dữ liệu khi xảy ra sự cố, thiên tai, thảm họa.

- Hình thành năng lực khai thác thông minh tài liệu, dữ liệu lưu trữ trên cơ sở ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số phù hợp, đáp ứng yêu cầu tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và khai phá dữ liệu.

- Tài liệu, dữ liệu lưu trữ được kết nối, chia sẻ, tái sử dụng và phát huy giá trị trên môi trường số, phục vụ quản lý nhà nước, quản trị quốc gia, nghiên cứu, giáo dục, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

- Hình thành đội ngũ nhân lực liên ngành và chuyên gia về lưu trữ, quản trị dữ liệu, công nghệ số, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo, đáp ứng yêu cầu quản trị, vận hành, khai thác và phát triển Nền tảng.

3. Yêu cầu

a) Dữ liệu, tài liệu lưu trữ số được quản lý thống nhất theo vòng đời; tiếp nhận, kế thừa dữ liệu và siêu dữ liệu từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành khi văn bản được tạo lập hoàn chỉnh, xác thực để ban hành; kết nối với các hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số và hệ thống thông tin có liên quan, bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn và khả năng truy vết.

b) Tài liệu, dữ liệu lưu trữ số trên Nền tảng được quản lý, bảo quản an toàn, lâu dài; bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn, khả năng truy xuất, kiểm chứng, tính sẵn sàng, khả năng phục hồi và sử dụng lâu dài.

c) Nền tảng và các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi Đề án đáp ứng yêu cầu về an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu quốc gia; hoạt động truy cập, xử lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu được kiểm soát, truy vết theo quy định.

d) Việc xây dựng, vận hành Nền tảng bảo đảm kế thừa, tận dụng hệ thống, dữ liệu, hạ tầng và kết quả đầu tư hiện có; thực hiện chuyển đổi theo lộ trình phù hợp, không làm gián đoạn hoạt động của cơ quan, tổ chức, không đầu tư trùng lặp, lãng phí, bảo đảm an toàn, hiệu quả và bền vững.

III. PHẠM VI TRIỂN KHAI

1. Phạm vi về đối tượng áp dụng

Đề án được triển khai đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức nhà nước ở trung ương và địa phương, doanh nghiệp nhà nước.

2. Phạm vi về tài liệu và dữ liệu

a) Tài liệu, dữ liệu lưu trữ số thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức thực hiện Đề án, không thuộc danh mục bí mật nhà nước; bao gồm dữ liệu, tài liệu lưu trữ hình thành tại các hệ thống thông tin hiện có và từ chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ giấy theo quy định.

b) Các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Nền tảng số quốc gia về lưu trữ không can thiệp vào cấu trúc dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và hoạt động của các cơ sở dữ liệu này; kết nối, tiếp nhận tài liệu, dữ liệu thuộc phạm vi lưu trữ được chuẩn hóa theo quy định để quản lý, bảo quản, khai thác và sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. Phạm vi về hạ tầng số, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu

a) Phạm vi Đề án bao gồm xây dựng, quản lý và vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia; hoàn thiện, phát triển và quản lý Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; bảo đảm

hạ tầng số phục vụ quản lý, lưu trữ, bảo quản, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ số, dữ liệu lưu trữ trên phạm vi toàn quốc.

b) Phạm vi kết nối, liên thông bao gồm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số có liên quan của bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước; bảo đảm thống nhất, an toàn, thông suốt, phù hợp với kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật.

c) Cơ quan, tổ chức chưa có Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số, Kho lưu trữ số chuyên dụng sử dụng Nền tảng số quốc gia về lưu trữ để quản lý tài liệu lưu trữ có thời hạn theo thẩm quyền. Cơ quan, tổ chức đã có hệ thống, kho lưu trữ số chuyên dụng thực hiện kết nối, liên thông với Nền tảng, kế thừa kết quả đầu tư, tránh trùng lặp. Nền tảng số quốc gia về lưu trữ quản lý tập trung toàn bộ tài liệu lưu trữ số vĩnh viễn thuộc Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, việc lưu trữ tập trung không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm quản lý tài liệu lưu trữ của cơ quan, tổ chức theo Luật Lưu trữ.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ

a) Rà soát, hoàn thiện các quy định về quản lý lưu trữ và quản trị dữ liệu theo toàn bộ vòng đời tài liệu, đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, vận hành và khai thác Nền tảng số quốc gia về lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

b) Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, chuẩn gói tin, định danh dữ liệu và yêu cầu kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ, quản lý, bảo quản tài liệu lưu trữ số và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

c) Xây dựng, hoàn thiện mô hình, quy trình nghiệp vụ quản lý dữ liệu, tài liệu lưu trữ số theo vòng đời; tiếp nhận, kế thừa dữ liệu tạo lập và ban hành văn bản từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; kết nối, liên thông với các hệ thống thông tin có liên quan, bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn và khả năng truy vết.

2. Xây dựng và vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ

a) Mô hình tổng thể Nền tảng số quốc gia về lưu trữ

- Xây dựng Nền tảng tập trung, thống nhất, dùng chung trên phạm vi toàn quốc, phục vụ thu nộp, tiếp nhận, quản lý, bảo quản, khai thác, sử dụng và phát huy giá trị dữ liệu, tài liệu lưu trữ số; gắn với Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông

Lưu trữ Nhà nước Việt Nam. Nền tảng không thay thế chức năng của Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

- Thiết kế theo mô hình nhiều lớp, gồm: Lớp người dùng và truy cập dịch vụ; lớp dịch vụ nghiệp vụ lưu trữ; lớp dữ liệu và quản trị dữ liệu; lớp tích hợp, chia sẻ dữ liệu; lớp AI và phân tích dữ liệu; lớp bảo mật, an toàn thông tin; lớp hạ tầng số và lưu trữ số.

- Thiết lập mô hình quản trị dữ liệu thống nhất theo toàn bộ vòng đời tài liệu; phân định rõ trách nhiệm giữa chủ quản dữ liệu, quản trị dữ liệu, quản lý chất lượng dữ liệu và đơn vị vận hành kỹ thuật; bảo đảm dữ liệu được quản lý xuyên suốt, không bị đứt gãy từ khi hình thành đến khi được bảo quản, khai thác và sử dụng lâu dài.

b) Yêu cầu về kiến trúc và triển khai Nền tảng

- Nền tảng được xây dựng theo kiến trúc mở, tiêu chuẩn mở; đáp ứng tiêu chí nền tảng số dùng chung quốc gia, phù hợp Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số và Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia; bảo đảm khả năng tích hợp, mở rộng, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu và kế thừa các hệ thống hiện có.

- Nền tảng được triển khai trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, tính sẵn sàng, khả năng phục hồi và chủ quyền dữ liệu; đáp ứng yêu cầu bảo quản tài liệu số lâu dài.

c) Các phân hệ chức năng quản lý dữ liệu theo vòng đời

Các phân hệ được thiết kế theo hướng tăng cường tự động hóa trên cơ sở dữ liệu và quy tắc nghiệp vụ, bảo đảm tài liệu, dữ liệu được liên kết, kế thừa và quản lý liên tục giữa các phân hệ trong toàn bộ vòng đời, hạn chế thao tác thủ công và xử lý lại dữ liệu.

- Nhóm chức năng thu nộp và tiếp nhận: Tự động tiếp nhận văn bản điện tử đã hoàn chỉnh, xác thực từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số có liên quan của bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước; tài liệu lưu trữ số hóa; kiểm tra tính xác thực, toàn vẹn và tính hợp lệ của tài liệu, dữ liệu tiếp nhận.

- Nhóm chức năng quản lý tài liệu lưu trữ số: Quản lý, phân loại, tổ chức khoa học tài liệu và dữ liệu đặc tả của tài liệu; quản lý thời hạn lưu trữ, trạng thái, lịch sử xử lý và các thông tin nghiệp vụ trong quá trình lưu trữ; quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

- Nhóm chức năng bảo quản và xác thực: Quản lý, bảo quản tài liệu lưu trữ số lâu dài, bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn, khả năng kiểm chứng và sử dụng lâu

dài; kiểm tra định kỳ tính toàn vẹn, quản lý phiên bản, định dạng và lịch sử bảo quản tài liệu.

- Nhóm chức năng tra cứu và sử dụng: Cung cấp công cụ tìm kiếm, tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu, dữ liệu lưu trữ theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Nhóm chức năng xác định giá trị và hủy tài liệu, dữ liệu hết giá trị: Hỗ trợ việc xác định giá trị tài liệu lưu trữ số; quản lý việc tiêu hủy tài liệu, dữ liệu hết giá trị theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, khả năng kiểm tra và trách nhiệm giải trình.

- Nhóm chức năng báo cáo, thống kê, quản trị và phân tích dữ liệu: Cung cấp công cụ báo cáo, thống kê, giám sát, quản trị và phân tích dữ liệu phục vụ quản lý, điều hành và khai thác Nền tảng.

- Nhóm chức năng quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ: Quản lý, theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động dịch vụ lưu trữ trên Nền tảng; ghi nhận, truy vết và kiểm soát các hoạt động tác động đến tài liệu, dữ liệu theo quy định.

- Nhóm chức năng điều phối quy trình và quản lý quy tắc nghiệp vụ dùng chung: Thiết lập, điều phối và giám sát quy trình, quy tắc nghiệp vụ lưu trữ dùng chung; hỗ trợ tự động hóa, liên thông và kiểm soát việc thực hiện giữa các phân hệ.

d) Tích hợp, chuyển đổi và kết nối hệ thống

- Kết nối, kế thừa và chuẩn hóa dữ liệu từ các hệ thống hiện có theo yêu cầu nghiệp vụ; bảo đảm liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

- Kết nối Hệ thống quản lý văn bản và điều hành và các hệ thống thông tin có liên quan để tiếp nhận, kế thừa tài liệu, dữ liệu lưu trữ số theo quy định.

- Kết nối, kế thừa dữ liệu gửi, nhận văn bản điện tử từ Trục liên thông văn bản quốc gia đối với văn bản được gửi, nhận liên hệ thống.

- Chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chuẩn dữ liệu thống nhất, bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, có khả năng kết nối, chia sẻ và khai thác dùng chung.

- Kết nối với các cơ sở dữ liệu, nền tảng, hệ thống dùng chung quốc gia, hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị và VNeID, phù hợp với chức năng, thẩm quyền và quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

đ) Vận hành và khai thác Nền tảng số quốc gia về lưu trữ

- Tổ chức quản trị, vận hành, giám sát và bảo trì Nền tảng hoặc từng cấu phần được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào khai thác, sử dụng; bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục, an toàn, hiệu quả; có cơ chế hỗ trợ người dùng và xử lý sự cố trong quá trình khai thác, sử dụng.

- Tổ chức cung cấp dịch vụ khai thác, sử dụng tài liệu, dữ liệu lưu trữ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền, phạm vi tiếp cận và quy định của pháp luật.

- Cung cấp các dịch vụ lưu trữ số cơ bản dùng chung; thực hiện định danh, xác thực, phân quyền và kiểm soát quyền tiếp cận tài liệu, dữ liệu theo quy định.

e) Thực hiện lưu trữ dự phòng đối với tài liệu lưu trữ trong Nền tảng

- Thiết lập cấu phần lưu trữ dự phòng trong Nền tảng, phù hợp với giá trị, đặc điểm và yêu cầu bảo quản tài liệu, dữ liệu; bảo đảm an toàn, toàn vẹn và khả năng phục hồi khi xảy ra sự cố, thiên tai, thảm họa.

- Kết nối, tích hợp và quản lý thông tin, dữ liệu về tài liệu lưu trữ dự phòng, bảo đảm liên kết giữa tài liệu gốc và bản dự phòng; kế thừa kết quả các nhiệm vụ lưu trữ dự phòng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tránh đầu tư trùng lặp.

g) Phát huy giá trị tài liệu, dữ liệu lưu trữ trên Nền tảng

- Phát triển các công cụ phục vụ công bố, giới thiệu, kết nối, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng tài liệu, dữ liệu lưu trữ trên môi trường số; đổi mới hình thức phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, góp phần quảng bá di sản tư liệu và phát huy vai trò của thiết chế lưu trữ - lịch sử - văn hóa.

- Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số phù hợp để tìm kiếm thông minh, tổng hợp, phân tích, khai phá dữ liệu, chuyển hóa dữ liệu lưu trữ thành thông tin, tri thức phục vụ quản lý nhà nước, quản trị quốc gia, nghiên cứu, giáo dục, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Hoàn thiện, phát triển Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam

a) Hoàn thiện, phát triển và quản lý Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam bảo đảm nguyên tắc đúng - đủ - sạch - sống - toàn vẹn - duy nhất - thống nhất - tập trung - liên thông - dùng chung; dữ liệu được chuẩn hóa, cập nhật, quản lý tập trung, kết nối, chia sẻ và khai thác theo quy định của pháp luật.

b) Chỉnh lý sơ bộ hoặc hoàn chỉnh 100% tài liệu giấy tồn đọng tại các cơ quan, tổ chức thuộc trường hợp nộp tài liệu vào lưu trữ lịch sử và tối thiểu 50% tài

liệu tồn đọng tại lưu trữ lịch sử. Tài liệu sau chỉnh lý được tạo lập, chuẩn hóa dữ liệu hồ sơ để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam, phục vụ quản lý, tra cứu và khai thác trực tuyến.

c) Số hóa 50% tài liệu lưu trữ vĩnh viễn tại lưu trữ lịch sử, 30% tài liệu lưu trữ vĩnh viễn có tần suất sử dụng cao tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước. Dữ liệu tài liệu lưu trữ được chuẩn hóa, kết nối, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam để phục vụ khai thác, sử dụng trực tuyến.

Ưu tiên số hóa tài liệu lưu trữ do chính cơ quan tạo lập, ban hành (tập lưu văn bản đi); tài liệu lưu trữ vĩnh viễn của cơ quan, tổ chức cấp huyện, cấp xã trước sắp xếp tổ chức bộ máy; tài liệu lưu trữ vĩnh viễn thuộc Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; tài liệu lưu trữ có tần suất khai thác, sử dụng cao; tài liệu lưu trữ phục vụ cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công; tài liệu lưu trữ có nguy cơ xuống cấp, hư hỏng hoặc có yêu cầu bảo quản đặc biệt; tài liệu lưu trữ phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước và công bố thông tin đến người dân, doanh nghiệp.

d) Chuẩn hóa và tiếp nhận dữ liệu tài liệu lưu trữ từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước

- Phân loại, chọn lọc và chuẩn hóa tài liệu lưu trữ số đã hình thành tại Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trước thời điểm Nền tảng được vận hành; cập nhật tài liệu, dữ liệu lưu trữ số đủ điều kiện vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam theo quy định.

- Kiểm tra tính đầy đủ, toàn vẹn, xác thực và giá trị pháp lý trước khi tiếp nhận dữ liệu; bảo đảm dữ liệu được quản lý liên tục, không đứt gãy từ giai đoạn hình thành đến khi lưu trữ lâu dài.

đ) Cập nhật, quản trị và khai thác Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam

- Tổ chức tiếp nhận, tích hợp, cập nhật dữ liệu từ các nguồn theo quy định; bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, toàn vẹn, duy nhất và có khả năng truy vết.

- Tổ chức quản trị, vận hành Cơ sở dữ liệu trên Nền tảng số quốc gia về lưu trữ; phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền quản lý, cập nhật và kiểm soát chất lượng dữ liệu.

- Kết nối, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu theo thẩm quyền và quy định của pháp luật, phục vụ quản lý nhà nước, hoạt động của cơ quan, tổ chức, nhu cầu khai thác hợp pháp của cá nhân và quản trị quốc gia dựa trên dữ liệu.

e) Chuyển giao Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam hiện có về lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia

- Chuyển giao Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam hiện có về lưu trữ trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật, bảo đảm kế thừa đầy đủ dữ liệu và kết quả đầu tư, duy trì hoạt động liên tục, không làm gián đoạn việc quản lý và khai thác dữ liệu.

- Thiết lập cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu và cơ quan quản lý Trung tâm Dữ liệu quốc gia trong quản lý, vận hành và bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.

4. Xây dựng hạ tầng số tập trung để vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ

a) Xây dựng, vận hành hạ tầng số tập trung tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia bảo đảm năng lực vận hành Nền tảng và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng số có liên quan.

b) Xây dựng hạ tầng lưu trữ dữ liệu tập trung, quy mô lớn, đáp ứng yêu cầu bảo quản, khai thác dữ liệu, tài liệu lưu trữ số; bảo đảm khả năng mở rộng, tính sẵn sàng, tính xác thực, toàn vẹn và khả năng sử dụng lâu dài.

c) Xây dựng hạ tầng tính toán, xử lý và phân tích dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số tiên tiến phục vụ tìm kiếm, khai thác, phát huy giá trị tài liệu lưu trữ và hỗ trợ công tác quản lý, điều hành, hoạch định chính sách.

d) Xây dựng hạ tầng bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và chủ quyền dữ liệu; tích hợp các yêu cầu bảo mật ngay từ thiết kế, bảo đảm giám sát, phòng ngừa và xử lý sự cố theo quy định của pháp luật.

đ) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ kiểm chứng lâu dài đối với tính xác thực, toàn vẹn, tin cậy của tài liệu lưu trữ số khi được lưu trữ trên Nền tảng.

e) Xây dựng hạ tầng lưu trữ dự phòng theo quy định của pháp luật về lưu trữ; bảo đảm an toàn, toàn vẹn dữ liệu, tài liệu lưu trữ số, khả năng khôi phục hệ thống, phục hồi dữ liệu sau sự cố; bảo đảm sự hoạt động liên tục của Nền tảng và các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi Đề án.

5. Phát triển nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản trị, vận hành Nền tảng

a) Phát triển nguồn nhân lực có năng lực chuyên môn, kỹ năng số và năng lực quản trị dữ liệu, đáp ứng yêu cầu quản trị, vận hành và khai thác Nền tảng; nâng cao năng lực quản trị tài liệu, dữ liệu trong môi trường số.

b) Phát triển nguồn nhân lực liên ngành và đội ngũ chuyên gia về lưu trữ, quản trị dữ liệu, công nghệ số, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo, đáp ứng yêu cầu quản trị, vận hành và phát triển Nền tảng.

c) Đổi mới nội dung, phương thức đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn nghiệp vụ lưu trữ với quản trị dữ liệu, lưu trữ số, bảo quản số lâu dài, an toàn thông tin, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số; ưu tiên nâng cao năng lực cho đội ngũ trực tiếp quản trị, vận hành và khai thác Nền tảng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Đề án được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, bao gồm chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Việc phân định chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên được xác định căn cứ vào tính chất, nội dung và phương thức thực hiện từng nhiệm vụ, dự án thành phần theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do các bộ, cơ quan trung ương chủ trì; ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Huy động các nguồn kinh phí hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ phù hợp của Đề án; lồng ghép nguồn kinh phí thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo, lãng phí và tuân thủ các yêu cầu về an ninh mạng, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

4. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án được xác định cụ thể trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ thành phần theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; bảo đảm xác định rõ phạm vi, nội dung, nguồn kinh phí và không tính trùng giữa các nhiệm vụ, dự án.

5. Nhu cầu kinh phí được xác định dự kiến theo tiến độ thực hiện Đề án; việc bố trí kinh phí hằng năm căn cứ khả năng cân đối ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp nguồn lực thực tế, không trùng lặp với nhiệm vụ, dự án đã được phê duyệt. Trường hợp các nhiệm vụ, dự án thuộc Đề án chưa được bố

trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, rà soát, đề xuất bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đầu tư công, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn sau khi Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

6. Kinh phí chỉnh lý, số hóa tài liệu lưu trữ tại các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước và cơ quan, tổ chức có liên quan được xác định, bố trí riêng theo khối lượng thực tế, định mức kinh tế - kỹ thuật, khả năng cân đối nguồn lực và các nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Nội vụ

Chủ trì tổ chức thực hiện Đề án, chịu trách nhiệm về quản lý nhà nước, nghiệp vụ lưu trữ, yêu cầu chức năng, mô hình dữ liệu, tiêu chuẩn, quy trình nghiệp vụ và quản trị Nền tảng; thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Nghiên cứu, xây dựng và tổ chức thực hiện mô hình quản lý tài liệu lưu trữ và quản trị dữ liệu quốc gia theo hướng quản lý thống nhất vòng đời tài liệu; bảo đảm dữ liệu được quản lý liên tục, thống nhất, liên thông, chia sẻ, khai thác hiệu quả và bảo vệ trong toàn bộ vòng đời.

b) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về lưu trữ và quản trị cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

c) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, chuẩn siêu dữ liệu, yêu cầu kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ về lưu trữ; hướng dẫn quản trị cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

d) Tổ chức xây dựng, triển khai và vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ; công bố kiến trúc dùng chung, yêu cầu kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; đánh giá hằng năm hiệu quả khai thác, sử dụng để nâng cấp, hoàn thiện Nền tảng; hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước kết nối, khai thác, sử dụng Nền tảng; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định.

đ) Hoàn thiện, phát triển, quản trị và tổ chức khai thác Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật.

e) Chỉnh lý, số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ tại các lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương và chuẩn hóa dữ liệu phục vụ hoàn thiện, phát triển Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

g) Tổ chức tổng kiểm kê tài liệu lưu trữ giấy Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; hướng dẫn giải pháp nghiệp vụ chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa, tạo lập dữ liệu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý tài liệu tồn đọng; hướng dẫn tiêu chí lựa chọn tài liệu ưu tiên số hóa và việc tạo lập, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu tài liệu lưu trữ; cung cấp công cụ đóng gói dữ liệu để tiếp nhận vào Nền tảng.

h) Tổ chức triển khai lưu trữ dự phòng đối với tài liệu, dữ liệu lưu trữ trên Nền tảng; nghiên cứu, thử nghiệm các công nghệ, giải pháp mới, trong đó có các giải pháp mật mã hậu lượng tử phục vụ lưu trữ dự phòng và bảo quản lâu dài; bảo đảm kế thừa các nhiệm vụ lưu trữ dự phòng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tránh trùng lặp.

i) Tổ chức triển khai các hoạt động phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trên Nền tảng; mở rộng khả năng tiếp cận, khai thác và sử dụng tài liệu, dữ liệu lưu trữ phục vụ quản lý nhà nước, nghiên cứu, giáo dục, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội.

k) Tổ chức quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá hoạt động dịch vụ lưu trữ trên Nền tảng theo quy định của pháp luật.

l) Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực lưu trữ, nâng cao năng lực quản trị dữ liệu và lưu trữ số, đáp ứng yêu cầu quản trị, vận hành và khai thác Nền tảng.

m) Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Đề án; định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hằng năm tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Đề án của năm trước; đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện khi cần thiết.

n) Phối hợp với Bộ Công an tổ chức kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ yêu cầu về an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình triển khai Đề án.

o) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật về Nền tảng số quốc gia về lưu trữ và an toàn thông tin dữ liệu lưu trữ.

p) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng, ban hành theo thẩm quyền định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các nghiệp vụ lưu trữ số và quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

2. Bộ Công an

Bộ Công an phối hợp, chịu trách nhiệm về hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia, vận hành kỹ thuật, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và các giải pháp kỹ thuật thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Xây dựng, phát triển và vận hành hạ tầng số, hạ tầng lưu trữ dữ liệu và các điều kiện kỹ thuật cần thiết bảo đảm triển khai, vận hành Nền tảng số quốc gia về lưu trữ.

b) Bảo đảm các điều kiện hạ tầng, kỹ thuật để tiếp nhận, lưu trữ và vận hành Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

c) Tổ chức tiếp nhận, lưu trữ, đồng bộ và quản lý kỹ thuật đối với dữ liệu tài liệu lưu trữ do Bộ Nội vụ, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp nhà nước chuyển giao; bảo đảm an toàn, an ninh, tính sẵn sàng và khả năng phục hồi dữ liệu trên hạ tầng Trung tâm Dữ liệu quốc gia theo quy định của pháp luật.

d) Bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu và kiểm soát truy cập đối với Nền tảng và các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi Đề án theo quy định của pháp luật.

đ) Hướng dẫn, phối hợp thẩm định, kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các yêu cầu về an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình xây dựng, triển khai và vận hành Nền tảng; tổ chức giám sát, cảnh báo, ứng cứu và xử lý sự cố theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

e) Xây dựng và triển khai các giải pháp sao lưu, phục hồi dữ liệu, bảo đảm tính liên tục hoạt động và khả năng phục hồi sau thảm họa đối với Nền tảng và các cơ sở dữ liệu thuộc phạm vi Đề án.

g) Xây dựng, phát triển hạ tầng tính toán, xử lý và khai phá thông minh dữ liệu phục vụ khai thác tài liệu lưu trữ và Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam.

h) Triển khai các giải pháp định danh điện tử, xác thực điện tử và kết nối các dịch vụ kỹ thuật có liên quan phục vụ xác thực, kiểm chứng tính toàn vẹn của tài liệu, dữ liệu lưu trữ số theo quy định.

i) Kết nối, khai thác dữ liệu định danh điện tử phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Hướng dẫn áp dụng kiến trúc Chính phủ số, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định về nền tảng số theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Bộ Nội vụ xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu và siêu dữ liệu phục vụ quản lý, lưu trữ, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp nghiên cứu, đánh giá, lựa chọn và hướng dẫn áp dụng công nghệ mới phục vụ lưu trữ số, bảo quản số lâu dài, quản trị dữ liệu và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ theo chức năng quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số.

d) Phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí các nhiệm vụ chuyển đổi số của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Rà soát, cập nhật, phát triển chương trình đào tạo các ngành lưu trữ, quản trị văn phòng và các ngành liên quan theo định hướng chuyển đổi số; chú trọng các nội dung về lưu trữ số, quản trị dữ liệu, quản trị siêu dữ liệu, bảo quản số lâu dài và khai thác dữ liệu lưu trữ.

b) Thúc đẩy phát triển các chương trình đào tạo liên ngành giữa lưu trữ với công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu, an toàn thông tin và trí tuệ nhân tạo, góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ ngành lưu trữ.

5. Bộ Tài chính

a) Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Đề án thuộc ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Công an ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các nghiệp vụ chỉnh lý, số hóa, tạo lập, chuẩn hóa, đóng gói, cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

6. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao và các cơ quan trung ương có cơ sở dữ liệu chuyên ngành

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án phù hợp với đặc thù và yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ của ngành.

b) Chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Nền tảng số quốc gia về lưu trữ đối với dữ liệu thuộc phạm vi được phép kết nối, chia sẻ, bảo đảm phù hợp với yêu cầu quản lý tài liệu lưu trữ của ngành và quy định của pháp luật.

d) Bảo đảm yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và các yêu cầu đặc thù của ngành, lĩnh vực trong quá trình thực hiện Đề án.

7. Bộ, cơ quan ngang bộ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; doanh nghiệp nhà nước

a) Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Đề án.

b) Kết nối, sử dụng Nền tảng số quốc gia về lưu trữ theo lộ trình; không đầu tư xây dựng các hệ thống phần mềm lưu trữ số có chức năng trùng lặp với Nền tảng, trừ trường hợp đặc thù theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Tổng kiểm kê tài liệu lưu trữ giấy trong phạm vi quản lý; chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu tài liệu và kịp thời cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, xác thực và toàn vẹn của dữ liệu trước khi cập nhật.

d) Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu tài liệu lưu trữ đã hình thành trong Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trước thời điểm Nền tảng số quốc gia về lưu trữ được vận hành; cập nhật dữ liệu văn bản, tài liệu do cơ quan, tổ chức tạo lập vào Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phông Lưu trữ Nhà nước Việt Nam và chuyển giao vào lưu trữ tập trung tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia, Bộ Công an.

đ) Tổ chức thu nộp, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ thuộc phạm vi quản lý và cập nhật cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ theo quy định của pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ lưu trữ dự phòng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

e) Bố trí nhân lực và các điều kiện cần thiết để triển khai Đề án; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác lưu trữ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

8. Ban Cơ yếu Chính phủ

a) Xây dựng, triển khai các giải pháp bảo đảm tính xác thực, tính toàn vẹn và khả năng kiểm chứng lâu dài đối với tài liệu lưu trữ số trên Nền tảng theo quy định của pháp luật.

b) Nghiên cứu, triển khai các giải pháp mật mã và công nghệ xác thực tiên tiến bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn và an toàn lâu dài của tài liệu lưu trữ số.

9. Đề nghị Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước tổ chức triển khai Đề án phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế, bảo đảm mục tiêu, yêu cầu và lộ trình chung của Đề án.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong giai đoạn chuyển đổi, các bộ, ngành, địa phương tiếp tục khai thác các hệ thống hiện có để bảo đảm hoạt động quản lý, điều hành liên tục và thực hiện các yêu cầu của pháp luật. Việc nâng cấp các hệ thống hiện có chỉ thực hiện khi cần thiết, bảo đảm kế thừa kết quả đầu tư, không đầu tư trùng lặp với các chức năng của Nền tảng số quốc gia về lưu trữ; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chuẩn dữ liệu và yêu cầu kết nối, tích hợp với Nền tảng, tạo thuận lợi cho quá trình chuyển đổi theo lộ trình.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; người đứng đầu doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi Đề án và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CĐS (2).

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Phạm Thị Thanh Trà